TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ KUIN** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST
Ngày 18 - 6 -2019
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phan Thị Thiện.

Bà H Bliăk Niê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2019/TLST-HNGĐ ngày 08/3/2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị L, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn N, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Lê Danh Đ, sinh năm 1969. Địa chỉ: Thôn N, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/3/2019 và các lời khai quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị L trình bày:

Bà Phan Thị L và ông Lê Danh Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 30/5/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc với nhau được một thời gian, đến năm 2011 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông Đ không lo làm ăn, chăm sóc vợ con và gia đình mà thường hay

uống rượu say, về nhà kiếm chuyện nghe tuông vô cớ rồi đánh đập vợ con và đập phá đồ đạc sinh hoạt trong nhà làm cho cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không hạnh phúc. Bà L đã cố gắng chịu đựng và nhờ anh em bên nội khuyên bảo và chính quyền địa phương can thiệp nhiều lần nhưng ông Đ vẫn không chịu thay đổi. Năm 2018 bà L đã nộp đơn ly hôn với ông Đ tại Tòa án nhưng vì gia đình khuyên bảo cho ông Đ một cơ hội để sửa chữa và ông Đ cũng hứa sẽ thay đổi nên bà L đã rút đơn khởi kiện, vợ chồng về tiếp tục sống chung với nhau. Nhưng từ đó cho tới nay ông Đ vẫn không hề thay đổi mà vẫn chứng nào tật đó, vẫn rượu chè say xỉn rồi quậy phá, đánh đập vợ con. Nay bà L thấy không còn tình cảm gì với ông Đ, mâu thuẫn vợ chồng đã qúa lớn và không thể tiếp tục sống chung được với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lê Danh Đ.

Về con chung: Bà L và ông Đ có hai con chung là cháu Lê Quang T, sinh ngày 10/01/2001 và cháu Lê Quang Tr, sinh ngày 16/02/2004 hiện nay hai cháu đều đang ở vơi bà L. Đối với cháu T đã đủ tuổi thanh niên nên bà L không yêu cầu giải quyết, còn cháu Tr hiện nay mới được 15 tuổi bà L có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu cho đến khi đủ tuổi thành niên. Về cấp dưỡng bà L không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng để nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Bà L không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn ông Lê Danh Đ sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án và nhiều lần đến nhà tống đạt các văn bản tố tụng để thông báo cho ông Đ tham gia tố tụng bảo vệ quyền lợi cho mình nhưng ông Đ đều từ chối nhận tất cả các văn bản của Tòa án và cũng không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng. Vì vậy, Tòa án không lấy được lời khai của ông Đ và cũng không tiến hành hòa giải được giữa các đương sự.

Theo biên bản xác minh tại chính quyền địa phương nơi ông Đ và bà L sinh sống, xác định tình trạng hôn nhân và nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Đ và bà L là có thật theo như lời khai của bà L. Nay bà L làm đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Đ thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên toà: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng, bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử áp chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị L về việc ly hôn với ông Lê Danh Đ, giao con chung Lê Quang Tr sinh ngày 16/02/2004 cho bà Phan Thị L trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi đủ tuổi thành niên, ông Lê Danh Đ không có nghĩa cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung: bà Làm không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Bà Phan Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và việc nuôi con chung với ông Lê Danh Đ, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại Thôn N, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin. Ông Lê Danh Đ đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý, giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông Đ xác lập quan hệ hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 30/5/2005 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Phan Thị L và ông Lê Danh Đ là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa bà L và ông Đ thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông Đ không chịu lo làm ăn mà thường hay uống rượu say xỉn về nhà gây gổ đánh đập vợ con và đập đồ dùng sinh hoạt gia đinh làm cho cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không được hạnh phúc. Mâu thuẫn của vợ chồng xảy ra đã nhiều năm, được chính quyền địa phương và gia đình nội ngoại can thiệp nhưng ông Đ vẫn không thay đổi làm cho mẫu thuẫn vợ chồng vẫn không thể khắc phục được mà ngày càng căng thẳng hơn. Sau khi bà L nộp đơn khởi kiện Tòa án đã nhiều lần thông báo cho ông Đ để tham gia tố tụng nhưng ông Đ từ chối nhận văn bản tố tụng và cũng không có mặt tại Tòa án để tham gia giải quyết nên đã từ bỏ quyền chứng minh và không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng trong quan hệ hôn nhân với bà L. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông Đưỡng và Lam đã có hành vi bạo lực gia đình và vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị L về việc xin ly hôn với ông Lê Danh Đ.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà L và Ông Đ có hai con chung là cháu Lê Quang T, sinh ngày 10/01/2001 đến nay đã đủ tuổi thành niên nên không giải quyết. Đối với cháu Lê Quang Tr, sinh ngày 16/02/2004 đang được bà L nuôi dưỡng, chăm sóc khỏe mạnh bình thường và cho ăn học đầy đủ, theo nguyện vong của cháu Lê Quang Tr cũng muốn ở với bà L sau khi bố mẹ ly hôn với nhau. Vì vậy, để không làm thay đổi cuộc sống và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu Lê Quang Tr nên cần giao cháu Tr cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi đủ tuổi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con bà L không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con nên không buộc ông Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng.

[4] Về tài sản và nợ chung của vợ chồng: Bà L không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà Phan Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 227, 235, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 khoản 2 Điều 47 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị L được ly hôn với ông Lê Danh Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Quang Tr, sinh ngày 16/02/2004 cho bà Phan Thị L trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi đủ tuổi thành niên, ông Lê Danh Đ không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lê Quang Tr. Không ai được cản trở quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn của ông Lê Danh Đ. Vì lợi ích của con và theo yêu cầu của một trong hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí : Bà Phan Thị L phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2017/0014561 ngày 07/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Ông Lê Danh Đ không phải chịu án phí.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Huyện Cư Kuin;
- Chi Cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã D;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Quốc Định